

25. Nước và lửa.

Hòa Thượng Phổ Quang (Thích Thiện Huệ).

Một người nọ cần dùng tới lửa và nước lạnh, nên lấy chậu đất đựng lửa, và một bình sắt đựng nước lạnh để bên trên chậu lửa, rồi cho rằng ta đã chuẩn bị sẵn lửa và nước lạnh, một lúc sau khi cần tới lửa thì lửa đã tắt, cần đến nước lạnh, nước đã thành sôi, lửa và nước lạnh đều mất.

Thế nhân cũng vậy, xuất gia cầu đạo, đến với Phật pháp, mà vẫn nhớ vợ con bạn bè, thú vui thế gian và sự hưởng thụ ngũ dục, làm mất lửa công đức, và nước giới, người niệm dục cũng giống vậy.

Bình : Câu chuyện này nêu lên vấn đề kết hợp hai thứ tương khắc nhau sẽ đưa đến hậu quả hư hoại cả hai. Có hai trường hợp để hành động mâu thuẫn, thứ nhất là làm hai việc nghịch nhau cùng lúc, thứ hai cùng một việc mà sử dụng hai thứ trái ngược.

Trường hợp thứ nhất như người tại gia, vừa học Phật trí huệ để nhận biết nhân duyên là vọng, vừa tu pháp giải thoát mọi trói buộc của nhân duyên pháp, qua những ngày thọ bát giới hay những khóa giảng, ngoài những ngày tháng ít ỏi nói trên, lại miệt mài trau dồi trí xảo thế gian, nỗ lực hành theo vọng duyên, khiến duyên trói buộc tăng trưởng theo thời gian, họ chỉ luôn lo sợ những tục duyên này bị suy giảm hay mất mát. Vừa ôm tình thân giải thoát vừa sợ mất đi sự trói buộc (của ngũ dục), khác nào người ngu kia để nước trên lửa, khiến nước sôi lửa tắt, người tại gia học Phật, bị tục duyên trói buộc mê hoặc làm ô nhiễm trí huệ, tiêu mất chính tín, đạo không thể thành, sinh hoạt không thể thanh tịnh. Do thương ghét, thù xả, đắc thất nhiễu loạn tạo tác vọng nghiệp trong mỗi ý tưởng việc làm, như trong *kinh Địa Tạng khuyến cáo « chúng sinh nam diêm phù đề cử chỉ động niệm vô phi thị nghiệp »*, *chúng sinh ở nam diêm phù mọi suy nghĩ hành động đều là vọng nghiệp*. Tâm Phật thanh tịnh luôn vì người không có niệm ta, tâm chúng sinh ngược lại chỉ có ta duy nhất, vì vậy mọi suy nghĩ và hành động đều cho ta nên thuộc bất tịnh và tạo vọng nghiệp, cả đời tạo tác theo chiều hướng có lợi cho ta, nhưng chung cục vẫn phải hướng đến các bậc thanh tịnh cầu nguyện cứu khổ, mà không nhận biết do thanh tịnh cứu khổ muôn loài mà được an lạc thanh tịnh không còn cần cầu cứu như phàm nhân cả đời không biết cứu mà chỉ biết cầu cứu. Tâm thanh tịnh không phát nên nhân thanh tịnh không có và quả an lạc không thành, dẫn đến bao đời sống bất ổn, nhất thiết chúng sinh đồng tạo nghiệp bất tịnh, đồng chiêu cảm nên mái nhà chung là cảnh giới ngũ trược ác thế, điều này minh chứng tâm thanh tịnh là nhân sinh cảnh giới thanh tịnh, tâm bất tịnh là nhân sinh cảnh giới ngũ trược, tin như vậy là chính tín, ngược lại là mê tín.

Trường hợp thứ hai như người xuất gia, cát ái từ thân lìa bỏ gia đình là hang ổ của ái, nhưng do nơi thiếu tư duy, hay tư duy không chính xác, họ bỏ gia đình cũ để lập gia đình mới, đổi nhà lấy chùa, đổi cha mẹ anh em lấy thầy và huynh đệ. Bỏ nhà cửa và tình cảm vợ chồng con cái, cha mẹ anh em, thay bằng dọn vào chùa và với tình cảm thầy trò, huynh đệ, bổn đạo, khác gì bình mới rượu cũ, đức Phật không ngại bình làm tổn hại cho người tu, mà sợ rượu dễ gây nghiện cho người, như ái dễ làm người say và nghiện ngập, còn nhà cửa có gì đáng sợ. Ái như rượu, bình như nhà cửa chùa chiền, do tư duy vụng về, người tu nghĩ chỉ cần bỏ bình mà vẫn giữ rượu, tức chỉ cần bỏ nhà mà vẫn giữ ái, mang ái vào chùa, tự cho vào chùa đồng nghĩa nhập đạo, lìa nhà đồng với xuất gia, đó là bệnh y cú bất y nghĩa, do nơi y thức bất y trí. Vì thế niệm ái vẫn được dung dưỡng và tăng trưởng bên cạnh sự tu hành giải thoát, niệm giải thoát chính là niệm ly ái, vì ái sinh thủ, thủ sinh hữu, nên thành quả sinh tử trong tương lai (thập nhị nhân duyên). *Đức Phật khẳng định với Di lặc bồ tát « đương tri luân hồi ái vi căn bản », ái là căn bản của luân hồi*. Ly ái tắt ly thủ, ly thủ tắt ly hữu, và tương lai không còn sinh tử nữa. Người tu thiếu chính tư duy, nên duy trì ái niệm che chắn niệm giải thoát, họ không biết giải thoát như nước, ái như lửa, song hành hai niệm giống như nước và lửa để vào với nhau, vì vậy càng tu học ái càng phát triển, thành tư tưởng ái mạng sống này và những thứ thuộc về ngã ái, như *đức Phật nói với Di lặc bồ tát « ái dục vi nhân, ái mạng vi quả », ái dục là nguyên nhân đưa đến ái ngã*. Kết quả là ái bị dồn nén, và giải thoát sôi sục thành ái.

Do vậy tu hành không đạt được công đức giải thoát, mà lại thêm đắm nhiễm ngũ dục, tức danh văn lợi dưỡng, thấy mọi thứ của ta, và sợ mất đi những thứ ấy, gọi đó là ái kiến. Có ái mới sợ mất, không ái không sợ mất, có ái mới thấy của ta, không ái không thấy của ta. Ái kiến là vọng thức ngược với chính kiến là chân trí, ái kiến chấp lấy những thứ vọng duyên giả hợp, cho là của ta, khởi tâm chấp thủ, vọng tưởng thành các pháp đắc thất, thành

bại, khổ lạc... Nên vọng thọ đủ mọi khổ lạc thuận nghịch, và vì vậy vọng hành mọi nghiệp thiện ác, chiêu cảm quả khổ nơi tương lai.

Chính kiến thấy mọi thứ đó là vọng huyễn, nên thọ được an lạc, tướng được bất động, hành được tự tại, nhờ vậy đời sống thanh tịnh, cảnh giới an lạc, thành tựu hạnh nguyện giải thoát.

Thế nhưng những pháp mâu thuẫn này nếu được trí huệ hướng dẫn, không những không gây tai hại, mà trái lại trở thành phương tiện thiện xảo. Thí như nước và lửa sung khắc, nhưng nếu biết sử dụng sự sung khắc này, thì chúng ta có trà uống, có cơm ăn, và đưa đến nhiều phát minh khoa học ích lợi.

Người có trí huệ không đắm ngũ dục, nên biết lợi dụng ngũ dục, Người không có trí huệ tất tham đắm ngũ dục, nên thường bị ngũ dục lợi dụng. Người trí biết lợi dụng ngũ dục trong việc tu hành, dùng chúng làm phương tiện hành đạo. Như biết chúng sinh phải ái mới chịu nghe pháp, nên không ngại gì nói lời êm tai, hành động vỗ về, khiến chúng sinh khởi ái mộ tâm mà nghe pháp. Như biết chúng sinh thích sự hoa lệ hoành tráng, nên chẳng ngại gì không trang nghiêm đạo tràng, nhiếp phục chúng sinh, khiến họ nghe pháp. Lại biết chúng sinh ham thích danh vọng, nên chẳng ngại gì không lập danh thanh, để chúng sinh nể sợ danh tiếng đó mà lắng nghe lời dạy.

Do đa phần tín đồ khởi đầu vào đạo bằng cửa ái và công dục, nên đạo đó là đạo ái dục, thế nhưng họ vẫn ngỡ căn nhà ái dục đó là nhà đạo. Nên họ càng ở lâu trong đó, càng tăng trưởng ái dục, ngã và ngã sở. Vì thế người trí dùng ngũ dục làm phương tiện nhiếp phục chúng sinh, khiến chúng sinh nể phục, chịu nghe giáo pháp. Bấy giờ người trí mới thuyết các pháp ly dục, khai thị khiến chúng sinh lìa ái và dục mà trụ vào trong pháp. Khi đó nhà ái dục trở thành nhà viễn ly, như vậy gọi là nhập đạo.

Tóm lại không phải tính xung khắc của nước và lửa đưa đến tai hại, mà sự vô trí mới là chính nhân gây mọi họa hại. Ngược lại bằng vào trí huệ mà họa hại nào cũng thành lợi ích, ngu si nào cũng chỉ ra điều khôn.

Thế mới biết trí huệ có tính bình đẳng bất động bởi nhờ vào trí huệ mọi điều ngu cũng thành trí, trí không còn có biên giới với ngu nên là vô lượng trí hay nhất thiết trí, nhờ vậy cảnh giới thuận nghịch của ngu và trí cũng đều thành thuận, vắng lặng bất động gọi là cảnh giới tịch diệt an lạc.